

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS-ST**

Ngày: 30-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Ông Võ Thành Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-DS ngày 04/3/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-DS ngày 27/3/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 20/4/2020, thông báo mở phiên tòa số: 47/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 10/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Hải Đ**, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Nguyễn Văn T** (vắng mặt)

2.2. Bà **Nguyễn Thị M** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2019; biên bản lấy lời khai ngày 03/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Phạm Hải Đ trình bày:*

Ngày 30/6/2017 âm lịch anh có tham gia góp dây hụi 2.000.000 đồng do ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M làm chủ, mỗi tháng mở hụi một lần vào ngày 30 hàng tháng, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò 1.000.000 đồng), hụi có 25 phần, anh tham gia 02 phần, góp hụi sống mỗi phần được 18 lần thì ông T, bà M tuyên bố úp hụi nên còn lại 07 phần hụi mà các hụi viên trong đó có anh chưa lĩnh hụi. Do đó, giữa anh với ông T, bà M và cùng một số hụi viên còn lại chưa lĩnh hụi (Nguyễn Thị Ta, Nguyễn Văn Phong, Nguyễn Văn Nghìn, Danh Thị Bé Tư, Lý Văn Bót) cùng nhau thống nhất thỏa thuận: ngày 30 hàng tháng sẽ bốc thăm ai bốc được thăm ghi chữ “hốt” thì sẽ lĩnh tiền của 18 phần hụi trước đó mà các hụi viên đã lĩnh (hụi chết), 07 người chưa lĩnh hụi này không phải thực hiện nghĩa vụ gì khác đối với chủ hụi và cứ như vậy hàng tháng bốc thăm cho đến khi nào đủ các phần hụi thì thôi.

Sau khi thỏa thuận đến lần thứ 19 bốc thăm thì Lý Văn Bót lĩnh hụi, lần thứ 20 thì anh Lĩnh hụi nhưng ông T, bà M không giao được đồng nào.

Anh có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng ông T, bà M không tham gia nên hòa giải không thành.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà M phải trả cho anh số tiền hụi còn thiếu là 72.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn anh Phạm Hải Đ có ý kiến: Xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải trả cho anh số tiền hụi còn thiếu là 70.000.000 đồng, do phải trừ lại 2.000.000 đồng tiền hoa hồng cho ông T, bà M.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn anh Phạm Hải Đ trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa

đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Hải Đ, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn số tiền hui còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui”* của nguyên đơn anh Phạm Hải Đ, nhưng bị đơn ông T, bà M không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông T, bà M, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn ông T, bà M vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông T, bà M (đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo mở phiên tòa), nhưng bị đơn ông T, bà M vẫn vắng mặt không có lý do, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông T, bà M, nhưng bị đơn ông T, bà M vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đ không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xác định được vào ngày 30/6/2017 âm lịch nguyên đơn anh Phạm Hải Đ có tham gia góp dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng do bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M làm chủ. Anh Đ tham gia 02 phần và

góp hui sống được mỗi phần 18 lần thì bị đơn ông T, bà M úp hui nên tính theo hui có lãi ông T, bà M nợ anh Đ số tiền bằng 72.000.000 đồng (2.000.000 đồng/phần x 18 lần) x 02 phần là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đ và cũng phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được tại các bút lục từ số 41 đến 47. Tuy nhiên, tài phiên tòa nguyên đơn anh Đ xác định chỉ khởi kiện buộc bị đơn ông T, bà M phải trả cho anh số tiền hui còn thiếu là 70.000.000 đồng, vì xác định trong dây hui này ngay từ đầu các bên có thỏa thuận hui có hoa hồng (tiền cò mỗi phần 1.000.000 đồng) nên tự nguyện trừ lại một phần 1.000.000 đồng x 02 phần = 2.000.000 đồng. Thấy rằng, sự tự nguyện khấu trừ số tiền 2.000.000 đồng của anh Đ phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Vì vậy, nay ông T, bà M phải có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền hui còn thiếu là 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), vì đây là nghĩa vụ của chủ hui đối với thành viên góp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 15, 22, 27, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đ là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải chịu **3.500.000 đồng** (70.000.000đ x 10%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 15, 22, 27, 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải trả cho anh Phạm Hải Đ **70.000.000đ** (*Bảy mươi triệu đồng*) tiền hui còn thiếu.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Phạm Hải Đ, nếu ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên cho anh Đ thì hàng tháng ông T, bà M còn phải trả tiền lãi cho anh Đ theo mức

lỗi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M phải chịu **3.500.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn anh Phạm Hải Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho anh Phạm Hải Đ 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007545 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2020); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh